

HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỔ TỤNG TRONG GIAI ĐOẠN GIÁM ĐỐC THẨM, TÁI THẨM CÁC VỤ, VIỆC DÂN SỰ

THÁI VĂN ĐOÀN*

Tóm tắt: Từ thực tiễn công tác kháng nghị và kiểm sát xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm vụ, việc dân sự nói chung, tác giả bài viết nêu lên một số quy định của pháp luật chưa hợp lý, gây khó khăn, vướng mắc khi vận dụng vào thực tiễn giải quyết vụ, việc dân sự, đồng thời đề xuất kiến nghị những giải pháp sửa đổi, bổ sung hoàn thiện.

Từ khóa: Thủ tục giám đốc thẩm; tái thẩm; Bộ luật Tổ tụng dân sự.

Ngày nhận bài: 04/7/2018; *Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa:* 16/7/2018; *Ngày duyệt bài:* 30/7/2018.

1. Về hình thức của đơn đề nghị xem xét bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm đối với đương sự đề nghị là cá nhân

Tại điểm đ khoản 1 Điều 284a Bộ luật Tổ tụng dân sự (BLTTDS) năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2011 (nay là điểm đ khoản 1 Điều 328 BLTTDS năm 2015) quy định đối với người làm đơn đề nghị xem xét bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm (gọi tắt là đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm): “Người đề nghị là cá nhân phải ký tên hoặc điểm chỉ”. Hướng dẫn quy định này, ngay tại khoản 1 Điều 1 Thông tư liên tịch số 03/2013/TTLT-TANDTC-VKSNDTC ngày

15/10/2013 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định về thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm (gọi tắt là Thông tư liên tịch số 03) có nêu: “Đương sự đề nghị là cá nhân, thì phải ký tên hoặc điểm chỉ và phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú hoặc phải nộp kèm theo bản phô tô giấy tờ tùy thân của họ;...”.

Theo chúng tôi, không nên chi quy định giới hạn đối với thủ tục đương sự là cá nhân

* *Thạc sĩ, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát việc giải quyết vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.*

làm đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm “phải ký tên hoặc điểm chỉ và phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú”¹, mà nên quy định mở rộng thêm Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (nói chung) và các cơ quan khác có thẩm quyền chứng thực chữ ký là Phòng tư pháp cấp huyện, tổ chức hành nghề công chứng, cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự và cơ quan khác được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài theo Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/4/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch quy định chứng thực chữ ký, đều có thể xác nhận khi cá nhân có đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm yêu cầu. Vì bản chất của quy định này nhằm xác định người ký đơn có đúng là người đứng tên trong đơn đề nghị hay không (để loại trừ khả năng người nào đó ký giả chữ ký, mạo danh làm đơn). Việc quy định như vậy sẽ tạo điều kiện cho không ít trường hợp đương sự là cá nhân làm đơn vì nhiều lý do không có mặt ở nơi cư trú mà ở nơi khác, như đang công tác nước ngoài, bị ốm đau điều trị các bệnh viện dài ngày ngoài nơi cư trú... Thực tế giải quyết đơn đề nghị cho thấy, Tòa án, Viện kiểm sát có thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm cũng chấp nhận những trường hợp cơ quan có chức năng xác nhận chữ ký của đương sự là cá nhân không phải là nơi cư trú, miễn là có cơ sở bảo đảm rằng

đương sự là cá nhân ký trong đơn chính là người làm đơn đề nghị.

Ngược lại, đối với thủ tục đương sự là cá nhân làm đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm “hoặc phải nộp kèm theo bản phô tô giấy tờ tùy thân của họ” (như chứng minh nhân dân, hộ khẩu, hộ chiếu...), thì không nên quy định điều kiện, thủ tục này, vì không thể bảo đảm chắc chắn được cá nhân nộp giấy tờ tùy thân là đương sự đã ký đơn đề nghị giám đốc thẩm và không loại trừ trường hợp những người thân của cá nhân làm đơn như con cái, anh em trong nhà có giấy tờ tùy thân của đương sự rồi vì lý do nào đó (như được bố mẹ phân chia tài sản không đồng đều, không được chia bằng hiện vật như nguyện vọng...) viết đơn ký giả chữ ký của đương sự rồi nộp đơn cho Tòa án, Viện kiểm sát có thẩm quyền. Trường hợp này khi Tòa án, Viện kiểm sát có thẩm quyền giải quyết sẽ gây mất nhiều thời gian, tốn kém công sức, trong trường hợp kháng nghị rồi xét xử giám đốc thẩm hủy án về giải quyết lại sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc thụ lý, giải quyết, thậm chí không giải quyết được (vì đương sự không hợp tác), mà lại không tôn trọng quyền quyết định, tự định đoạt của đương sự trong tố tụng dân sự là một trong những quyền năng cơ bản, quan trọng nhất. Vì vậy, chúng tôi cho rằng nên bỏ quy định này để tăng cường quản lý đầu vào đơn đề nghị giám đốc thẩm, cũng như hạn chế đến mức thấp nhất loại đơn này để góp phần bảo vệ tính ổn định của bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

Theo phân tích trên, khoản 1 Điều 1 Thông tư liên tịch số 03 nên sửa đổi, bổ sung như sau: “... Đương sự đề nghị là cá nhân, thì phải ký tên hoặc điểm chỉ và phải

1. Khoản 1 Điều 12 Luật cư trú năm 2006, sửa đổi, bổ sung năm 2013 quy định: “Nơi cư trú của công dân là chỗ ở hợp pháp mà người đó thường xuyên sinh sống. Nơi cư trú của công dân là nơi thường trú hoặc nơi tạm trú”.

có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn hoặc các cơ quan khác có thẩm quyền xác nhận chữ ký theo quy định của pháp luật”.

Đối với thủ tục đương sự là cá nhân làm đơn đề nghị kháng nghị tái thẩm theo quy định tại Chương XXI BLTTDS năm 2015 và khoản 1 Điều 14 Thông tư liên tịch số 03 quy định: “... Đương sự đề nghị là cá nhân thì phải ký tên hoặc điểm chỉ và phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú hoặc phải nộp kèm theo bản photo giấy tờ tùy thân của họ”. Quy định này cũng tương tự như quy định đương sự là cá nhân làm đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Vì vậy, chúng tôi đề nghị việc sửa đổi, bổ sung quy định này tương tự như việc sửa đổi, bổ sung đối với thủ tục làm đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm nêu trên.

2. Đối với quy định về việc phát hiện bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật cần xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm

Khoản 2 Điều 327 BLTTDS năm 2015 quy định: “Trường hợp Tòa án, Viện kiểm sát hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác phát hiện có vi phạm pháp luật trong bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật thì phải thông báo bằng văn bản cho người có thẩm quyền kháng nghị quy định tại Điều 331 của Bộ luật này”. Quy định này không đề cập đến thời hạn, nên có thể được hiểu là Tòa án, Viện kiểm sát hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác muốn gửi văn bản lúc nào cũng được (trong khi đó đối với đương sự thì quy định điều kiện khắt khe hơn nhiều, họ chỉ có quyền đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm trong thời hạn 01 năm kể từ ngày bản

án, quyết định có hiệu lực pháp luật và trường hợp sau khi hết thời hạn 03 năm, kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đương sự vẫn tiếp tục có đơn đề nghị thì thời hạn kháng nghị được kéo dài thêm 2 năm nữa (khoản 2 Điều 334 BLTTDS năm 2015). Quy định tại khoản 2 Điều 327 BLTTDS năm 2015 này không phù hợp với thời hạn kháng nghị giám đốc thẩm quy định tại Điều 334 BLTTDS tối đa là 05 năm, kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Vì vậy, để bảo đảm sự hợp lý và thống nhất nên sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 2 Điều 327 BLTTDS năm 2015 theo hướng: “Trường hợp Tòa án, Viện kiểm sát hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác phát hiện có vi phạm pháp luật trong bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật thì phải thông báo bằng văn bản cho người có thẩm quyền kháng nghị quy định tại Điều 331 của Bộ luật này trong thời hạn tối đa là 05 năm, kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật”.

Cũng tại quy định này, đối với trường hợp người thông báo phát hiện vi phạm là cá nhân thì tại đoạn cuối khoản 2 Điều 1 Thông tư liên tịch số 03 cũng hướng dẫn tương tự về hình thức thủ tục đối với đương sự là cá nhân làm đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm. Cụ thể: “Người thông báo phát hiện vi phạm là cá nhân phải ký tên hoặc điểm chỉ và phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú hoặc kèm theo bản photo giấy tờ tùy thân của họ”. Quy định này cũng bộc lộ những bất hợp lý, khó khăn tương tự như phân tích ở mục 1, nên cũng cần được sửa đổi, bổ sung một phần đoạn cuối khoản 2 Điều 1 Thông tư

liên tịch số 03 như sau: “Người thông báo phát hiện vi phạm là cá nhân phải ký tên hoặc điểm chỉ và phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn hoặc các cơ quan khác có thẩm quyền xác nhận chữ ký theo quy định của pháp luật”.

3. Về thủ tục xét xử tại phiên tòa giám đốc thẩm

Về thủ tục xét xử tại phiên tòa giám đốc thẩm được quy định tại khoản 1, 3 và 4 Điều 341 BLTTDS năm 2015 quy định đối với Viện kiểm sát như sau:

(1). Sau khi chủ tọa khai mạc phiên tòa, một thành viên Hội đồng xét xử giám đốc thẩm trình bày tóm tắt nội dung vụ án, quá trình xét xử vụ án, quyết định của bản án, quyết định... Trường hợp Viện kiểm sát kháng nghị thì đại diện Viện kiểm sát trình bày nội dung kháng nghị.

...

(3). Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về quyết định kháng nghị và việc giải quyết vụ án.

(4). Các thành viên Hội đồng xét xử giám đốc thẩm phát biểu ý kiến và thảo luận. Hội đồng xét xử giám đốc thẩm nghị án và biểu quyết về việc giải quyết vụ án và công bố nội dung quyết định về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa. Việc nghị án phải được thực hiện theo các nguyên tắc quy định tại Điều 264 của Bộ luật này.

Theo quy định trên thì đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về quyết định kháng nghị giám đốc thẩm và việc giải quyết vụ án trước, sau đó các thành viên Hội đồng xét xử giám đốc thẩm phát biểu ý kiến và thảo luận, sau khi thảo luận thì Hội đồng xét xử giám đốc thẩm nghị án.

Quy định này gây nhiều khó khăn cho Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giám đốc

thẩm, đặc biệt đối với những vụ án do Viện kiểm sát kháng nghị. Vì theo quy định này Viện kiểm sát không có khoảng thời gian để phát biểu ý kiến bổ sung (bao gồm cả việc tranh luận để làm sáng tỏ thêm những tình tiết nêu trong kháng nghị và đặc biệt là bảo vệ kháng nghị của Viện kiểm sát thường hay bị Hội đồng xét xử bắt bẻ, phản biện rất nhiều tình tiết, nên nếu không phát biểu ý kiến bổ sung kịp thời để bảo vệ kháng nghị sẽ tạo tâm lý lầy lan đến các thành viên khác trong Hội đồng xét xử về chất lượng của kháng nghị) hoặc đề nghị tạm ngừng phiên tòa để bổ sung, xác minh thêm chứng cứ hoặc báo cáo Lãnh đạo Viện về việc thay đổi, bổ sung kháng nghị hoặc rút kháng nghị đối với kháng nghị của Viện kiểm sát trong quá trình Hội đồng xét xử thảo luận, phát biểu ý kiến (thực tế, sau khi Hội đồng xét xử thảo luận, phát biểu ý kiến, thì Kiểm sát viên vẫn phát biểu ý kiến bổ sung với Hội đồng xét xử, nhưng BLTTDS không quy định việc này là không phù hợp với thực tế khách quan).

Trước đây, BLTTDS năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2011 (khoản 1 và 3 Điều 295) cũng đã quy định thuận lợi cho Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, đó là:

(1). Sau khi chủ tọa khai mạc phiên tòa, một thành viên của Hội đồng giám đốc thẩm trình bày tóm tắt nội dung vụ án, quá trình xét xử vụ án... Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về quyết định kháng nghị.

...(3). Các thành viên của Hội đồng giám đốc thẩm thảo luận và phát biểu ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

Theo quy định cũ thì Kiểm sát viên tham

gia phiên tòa phát biểu ý kiến sau khi Hội đồng xét xử giám đốc thẩm thảo luận và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, sau đó Hội đồng xét xử giám đốc thẩm mới biểu quyết về việc giải quyết vụ án (khoản 4 Điều 295). Quy định này phù hợp với thực tế khách quan của phiên tòa giám đốc thẩm. Vì vậy, theo chúng tôi nên sửa đổi, bổ sung về thủ tục xét xử tại phiên tòa giám đốc thẩm phần quy định đối với Viện kiểm sát như quy định tại Điều 295 BLTTDS năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2011.

Đối với phiên tòa tái thẩm, phần quy định đối với Viện kiểm sát cũng đề nghị sửa đổi, bổ sung tương tự như đối với phiên tòa giám đốc thẩm.

4. Về thời hạn gửi quyết định giám đốc thẩm

Khoản 1 Điều 350 BLTTDS năm 2015 quy định: “Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm phải gửi quyết định giám đốc thẩm cho cơ quan, tổ chức, cá nhân sau đây:

a) Đương sự, người khác có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quyết định giám đốc thẩm;

b) Tòa án ra bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị;

c) Viện kiểm sát cùng cấp, cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền”.

Việc quy định thời hạn 05 ngày như vậy là quá ngắn không đủ thời gian để Hội đồng xét xử kịp ban hành quyết định giám đốc thẩm. Vì đối với quyết định giám đốc thẩm mặc dù đã được đưa ra xét xử, được bàn bạc, phân tích, mổ xẻ từng tình tiết, từng nội dung vụ án, nhưng khi thể hiện thành văn bản chính thức phải mang tính chính xác cao, có tính chuẩn mực để Tòa

án địa phương làm cơ sở thực hiện, nên phải có thời gian suy nghĩ, trau chuốt từ ngữ, nghiên cứu kỹ từng lập luận, dự kiến những tình huống phát sinh khi hủy bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật về giải quyết lại, chỉnh sửa nhiều lần. So sánh với thời hạn gửi bản án, quyết định phúc thẩm tại Điều 315 BLTTDS quy định: “Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày ra bản án, quyết định phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm phải gửi bản án, quyết định phúc thẩm cho Tòa án đã xét xử sơ thẩm, Viện kiểm sát cùng cấp...”

Trường hợp Tòa án nhân dân cấp cao xét xử phúc thẩm thì thời hạn này có thể dài hơn, nhưng không quá 25 ngày”.

Trong khi đó, tính chất của giám đốc thẩm như nêu trên rõ ràng là phức tạp hơn nhiều so với tính chất của phúc thẩm. Thực tế cho thấy, rất nhiều quyết định giám đốc thẩm ban hành chậm hơn so với 05 ngày quy định nêu trên đến 10 ngày trở lên, nên việc quy định thời hạn 05 ngày như nêu trên là quá ngắn và không hợp lý, từ đó cũng gây khó khăn cho công tác kiểm sát quyết định giám đốc thẩm của Tòa án và ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Vì vậy, đề nghị sửa thời hạn này lên 20 ngày (không quy định là ngày làm việc nữa, mà là ngày bình thường). Cụ thể như sau:

“Điều 350. Gửi quyết định giám đốc thẩm

1. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày ra quyết định, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm phải gửi quyết định giám đốc thẩm cho ...”

Đối với thời hạn gửi quyết định tái thẩm cũng đề nghị sửa đổi, bổ sung tương tự như đối với việc gửi quyết định giám đốc thẩm.□